

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2024/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định hỗ trợ phát triển nông nghiệp
ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện
Gia Bình, Lương Tài đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 24**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017; Luật trồng trọt ngày
19 tháng 11 năm 2018; Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018; Luật Đất
đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định số
163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ
tướng Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích
chuyển giao;

Xét Tờ trình số 475/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Quy định hỗ trợ phát triển nông nghiệp
ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện Gia Bình, Lương Tài đến năm 2030;
Báo cáo thẩm tra số 106/BC-KTNS ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ban Kinh tế
- Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Quy định hỗ trợ phát triển
nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện Gia Bình, Lương Tài
đến năm 2030”.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hằng năm báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

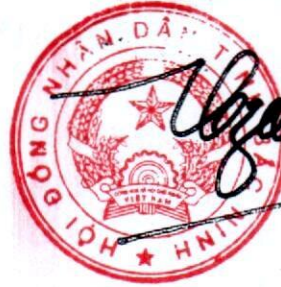
Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, kỳ họp thứ 24 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030./. *NS*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT,
- Bộ NN&PTNT, Bộ TN&MT (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Tổ ĐB và ĐB.HĐND tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy; UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- Đảng ủy Khối CCQ và DN tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo; Báo Bắc Ninh; Đài PTTH; Cổng TTĐT tỉnh; TTXVN tại Bắc Ninh;
- Lưu: VT, CV.HĐND, LĐVP. *NS*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hương Giang



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Về hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
trên địa bàn huyện Gia Bình, Lương Tài đến năm 2030**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể về hỗ trợ các hoạt động sản xuất chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thủy sản, đầu tư xây dựng hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vùng sản xuất chỉ dẫn địa lý trên địa bàn huyện Gia Bình, huyện Lương Tài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cá nhân, hộ gia đình (sau đây gọi chung là cá nhân), tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật tham gia các hoạt động sản xuất chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thủy sản, đầu tư xây dựng hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vùng chỉ dẫn địa lý trên địa bàn huyện Gia Bình, huyện Lương Tài;

2. Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến điều hành, quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ hoạt động sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thủy sản, đầu tư xây dựng hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vùng chỉ dẫn địa lý trên địa bàn huyện Gia Bình, huyện Lương Tài.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Ngoài định mức hỗ trợ của tỉnh theo Quy định này, các huyện, các xã, phường, thị trấn có thể sử dụng ngân sách của cấp mình và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để hỗ trợ bổ sung theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện, đảm bảo nguyên tắc chỉ hỗ trợ sau khi đã thực hiện xong nội dung công việc, hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng (trừ nội dung tại Điều 8 quy định này).

3. Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ phải đảm bảo đầy đủ điều kiện được hỗ trợ và các quy định của pháp luật có liên quan; có đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 01 của Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này, bản cam kết có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân

cấp xã) theo Mẫu số 02 của Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này và hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo Quy định này, chịu trách nhiệm trước pháp luật trong kê khai hồ sơ. Trường hợp không thực hiện đầy đủ cam kết, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi kinh phí đã hỗ trợ theo nguyên tắc cấp nào quyết định hỗ trợ thì cấp đó quyết định thu hồi.

4. Đối với máy móc, thiết bị được hỗ trợ phải là mới, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đáp ứng được tiêu chuẩn đã công bố. Đối với diện tích quy định điều kiện vùng sản xuất tập trung: Trường hợp vùng sản xuất liên thôn có văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp vùng liên xã có văn bản xác nhận của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Những danh mục cần phải công bố trong Quy định này do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố trước ngày 15 tháng 12 hằng năm. Trường hợp phát sinh danh mục hỗ trợ mới theo yêu cầu thực tiễn sản xuất, các tổ chức, cá nhân đề xuất với đơn vị quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh để rà soát, tổng hợp, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định.

Thời gian đề xuất bổ sung danh mục chia làm 02 đợt: Đợt một, từ ngày 10 đến ngày 15 tháng 5; đợt hai, từ ngày 10 đến ngày 15 tháng 9 hằng năm.

6. Công tác nghiệm thu được thực hiện trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị nghiệm thu.

7. Trường hợp có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ cùng một nội dung, tổ chức, cá nhân chỉ được lựa chọn hỗ trợ theo một cơ chế chính sách phù hợp nhất. Tổng mức hỗ trợ không quá 30 tỷ đồng (trừ nội dung tại Điều 8 Quy định này).

8. Thủ trưởng cơ quan, cán bộ thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thẩm định theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Hỗ trợ vùng sản xuất cà rốt, tỏi tập trung phù hợp quy hoạch, kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

1. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân thuê, cho thuê quyền sử dụng đất để sản xuất tỏi, cà rốt tập trung

a) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp của các cá nhân để sản xuất tỏi, cà rốt tập trung với mức 50 triệu đồng/ha. Hỗ trợ chia theo 02 đợt: Đợt 01 hỗ trợ 60% kinh phí vào năm đề nghị hỗ trợ; Đợt 02 hỗ trợ 40% kinh phí vào vụ cuối sau 03 năm kể từ thời điểm nghiệm thu đợt 01;

- Hỗ trợ cho cá nhân cho thuê quyền sử dụng đất để sản xuất tỏi, cà rốt tập trung với mức 100 triệu đồng/ha; cùng với đợt 01 của tổ chức, cá nhân thuê quyền sử dụng đất;

- Trên cùng một diện tích đất, chỉ hỗ trợ 01 lần (tính từ thời điểm quy định này có hiệu lực). Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng/tổ chức, cá nhân.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Trực tiếp thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hằng năm;

- Diện tích đất tập trung phải liền bờ, liền thửa (có thể cách murong, đường đi), có quy mô từ 02 ha trở lên;

- Diện tích hỗ trợ phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc kế hoạch sản xuất tỏi, cà rốt tập trung giai đoạn 05 năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất tối thiểu là 05 năm;

- Đảm bảo các điều kiện về an toàn thực phẩm;

- Có phương án sử dụng đất gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để theo dõi theo Mẫu số 03 của Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này;

- Cam kết sản xuất cà rốt/tỏi tập trung tối thiểu 03 năm kể từ khi được nghiệm thu đợt 01.

c) Trình tự thủ tục thực hiện:

- Đối với hỗ trợ đợt 01: Sau khi tiến hành sản xuất vụ đầu tiên (tính từ thời điểm chuẩn bị hồ sơ đề nghị hỗ trợ), bên thuê quyền sử dụng đất làm văn bản đề nghị nghiệm thu diện tích sản xuất tập trung đợt 01 và hồ sơ liên quan (Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, bản cam kết, bảng kê diện tích thuê đất, trích lục khu đất thuê) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức nghiệm thu diện tích sản xuất tập trung đợt 01;

- Đối với hỗ trợ đợt 02: Sau khi tiến hành sản xuất vụ cuối cùng của năm thứ 03 (tính từ vụ đầu được hỗ trợ), bên thuê quyền sử dụng đất làm đơn đề nghị nghiệm thu diện tích sản xuất tập trung gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức nghiệm thu diện tích sản xuất vụ cuối của năm thứ 03.

d) Công tác nghiệm thu: Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức nghiệm thu có sự tham gia của các tổ chức, cá nhân liên quan, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định kết quả nghiệm thu của Ủy ban nhân dân cấp xã.

đ) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của bên thuê quyền sử dụng đất (cho cả bên cho thuê quyền sử dụng đất) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã đối với hỗ trợ đợt 01 theo Mẫu

số 01a của Phụ lục kèm theo Quy định này; Đơn đề nghị hỗ trợ của bên thuê quyền sử dụng đất gửi Ủy ban nhân dân cấp xã đối với hỗ trợ đợt 02 theo Mẫu số 01 của Phụ lục kèm theo Quy định này;

- Bản cam kết của tổ chức, cá nhân thuê quyền sử dụng đất;
- Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất kèm theo bảng kê diện tích thuê quyền sử dụng đất có ký nhận của cá nhân có đất cho thuê; trích lục khu đất thuê;
- Văn bản minh chứng đảm bảo các điều kiện về an toàn thực phẩm.

2. Hỗ trợ kinh phí sản xuất cà rốt, tỏi tập trung:

a) Nội dung và mức hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân sản xuất cà rốt, tỏi tập trung được hỗ trợ kinh phí với mức 15 triệu đồng/ha/vụ.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Diện tích hỗ trợ có quy mô sản xuất tập trung từ 02 ha trở lên; phù hợp quy hoạch, kế hoạch sản xuất tỏi, cà rốt tập trung của cấp có thẩm quyền;
- Đảm bảo các điều kiện về an toàn thực phẩm.

c) Công tác nghiệm thu: Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức nghiệm thu có sự tham gia của các tổ chức, cá nhân có liên quan, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định kết quả nghiệm thu của Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Bảng kê diện tích, số tiền nhận hỗ trợ, có ký nhận của đối tượng nhận hỗ trợ do tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc thôn/khu phố lập theo Mẫu số 04 của Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này; Bảng kê diện tích, số tiền nhận hỗ trợ do cá nhân, doanh nghiệp lập theo Mẫu số 05 của Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này;
- Văn bản minh chứng đảm bảo các điều kiện về an toàn thực phẩm.

Điều 5. Hỗ trợ sản xuất thủy đặc sản tập trung và cơ sở sản xuất ương dưỡng giống thủy sản

1. Hỗ trợ con giống thủy đặc sản nuôi thương phẩm:

a) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% kinh phí mua con giống thủy đặc sản nuôi thương phẩm với mức tối đa không quá 500 triệu đồng/tổ chức, cá nhân.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Tổ chức, cá nhân nuôi thủy đặc sản thương phẩm nằm trong hợp tác xã hoặc nằm trong vùng nuôi thủy sản tập trung ao đất có diện tích 10 ha trở lên;

vùng nuôi cá lồng có từ 50 lồng trở lên; Sản xuất với quy mô nuôi trong ao đất có diện tích mặt nước từ 1.500 m² trở lên, nuôi lồng từ 03 lồng trở lên;

- Có giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (đối với nuôi cá lồng trên sông);

- Có phương án sản xuất đối tượng thủy đặc sản nuôi thương phẩm gửi Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện theo Mẫu số 06 của Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này;

- Cam kết thực hiện từ 03 năm trở lên (kể từ khi được nghiệm thu);

- Danh mục đối tượng thủy đặc sản nuôi thương phẩm nằm trong danh mục do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hằng năm;

- Có biên bản xác định số lượng thủy đặc sản nuôi thương phẩm khi thả giống của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Đảm bảo các điều kiện về an toàn thực phẩm. Có giấy kiểm dịch đối với con giống thủy đặc sản được mua bán từ ngoài tỉnh;

- Giá hỗ trợ là giá thực tế dựa trên hoá đơn và chứng thư thẩm định giá của doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh thẩm định giá hoặc giá trúng thầu.

c) Công tác nghiệm thu: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiệm thu diện tích, đối tượng, số lượng thủy đặc sản nuôi thương phẩm, công tác nghiệm thu có sự tham gia của Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

d) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân huyện, thông qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Bản cam kết của tổ chức, cá nhân;

- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hoá đơn mua con giống thủy đặc sản nuôi thương phẩm; chứng thư thẩm định giá hoặc quyết định trúng thầu;

- Văn bản minh chứng đảm bảo các điều kiện về an toàn thực phẩm.

2. Hỗ trợ phương án đầu tư cơ sở hạ tầng sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản:

a) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% kinh phí mua nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị để xây dựng mới kết cấu hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: Hệ thống ao, bể cấp và xử lý nước; ao, bể nuôi ương dưỡng giống thủy sản; khu sinh sản (bể ấp, bể đẻ, khay ấp); kho bảo quản vật tư (thức ăn, thuốc, hoá chất, chế phẩm sinh học); hệ thống sục khí oxy, cho ăn. Tối đa 03 tỷ đồng/cơ sở.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Địa điểm xây dựng phù hợp kế hoạch sử dụng đất của địa phương;

- Có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản;

- Cam kết thực hiện từ 03 năm trở lên (kể từ khi được nghiệm thu);

- Đảm bảo các điều kiện về an toàn thực phẩm;

- Giá hỗ trợ là giá thực tế dựa trên hoá đơn và chứng thư thẩm định giá của doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh thẩm định giá hoặc giá trúng thầu.

c) Trình tự thủ tục thực hiện:

- Phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ: Chủ đầu tư làm Đơn đề nghị phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ phương án theo Mẫu số 07 của Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này và hồ sơ (Thuyết minh phương án và thiết kế, Dự toán kinh phí, Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất, Trích lục bản đồ khu đất) gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân huyện nơi xây dựng phương án, xem xét, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ phương án.

- Quyết định hỗ trợ: Trên cơ sở kết quả nghiệm thu và đảm bảo các điều kiện hỗ trợ, chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thẩm định, gửi Sở Tài chính, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ.

d) Công tác nghiệm thu: Sau khi thực hiện xây dựng mới kết cấu hạ tầng kỹ thuật xong và tổ chức sản xuất, chủ đầu tư làm Đơn đề nghị nghiệm thu kèm theo hồ sơ hoàn công, văn bản minh chứng đáp ứng các điều kiện hỗ trợ gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan nghiệm thu.

đ) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Bản cam kết của chủ đầu tư;

- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hoá đơn mua nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị; chứng thư thẩm định giá hoặc quyết định trúng thầu;

- Văn bản minh chứng đảm bảo các điều kiện về an toàn thực phẩm.

3. Hỗ trợ chuyển giao khoa học công nghệ cho các cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy đặc sản:

a) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/01 bản quyền công nghệ được chuyển giao quyền sử dụng.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống được cấp giấy đủ điều kiện sản xuất ương dưỡng giống;
- Bản quyền công nghệ của đơn vị chuyển giao đảm bảo đúng quy định;
- Cam kết sử dụng bản quyền công nghệ được chuyển giao từ 03 năm trở lên;
- Danh mục bản quyền công nghệ chuyển giao quyền sử dụng do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hằng năm.

c) Trình tự thủ tục thực hiện:

- Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu chuyển giao quyền sử dụng công nghệ đề xuất với đơn vị quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh để rà soát, tổng hợp trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quyết định danh mục.

- Sau khi thực hiện xong chuyển giao quyền sử dụng công nghệ, chủ cơ sở làm Đơn đề nghị nghiệm thu gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kèm theo bộ hồ sơ: Thuyết minh phương án (sự cần thiết, mục tiêu, nội dung, giải pháp thực hiện, kinh phí); hồ sơ năng lực của đơn vị chuyển giao công nghệ và giấy tờ công nhận hoặc chứng nhận đối với bản quyền công nghệ cấp cho đơn vị chuyển giao; hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hoá đơn.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức Hội đồng nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện chuyển giao công nghệ. Trên cơ sở kết quả nghiệm thu, chủ cơ sở gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thẩm định, gửi Sở Tài chính, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ.

d) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bản cam kết duy trì sản xuất của chủ cơ sở;
- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hoá đơn mua bản quyền công nghệ được chuyển giao quyền sử dụng.

Điều 6. Hỗ trợ phương án xây dựng cơ sở chế biến nông sản

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% kinh phí mua nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị xây dựng nhà xưởng, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện trong hàng rào và hệ thống xử lý chất thải. Tổng mức hỗ trợ dưới 15 tỷ đồng/cơ sở.

2. Điều kiện hỗ trợ:

a) Phương án sử dụng tối thiểu 50% nguyên liệu chế biến là nguyên liệu được sản xuất, chế biến tại địa phương (thuộc địa bàn tỉnh) và sử dụng tối thiểu 30% lao động thường trú tại huyện Gia Bình, Lương Tài;

b) Địa điểm xây dựng phù hợp kế hoạch sử dụng đất của địa phương. Có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Cam kết thực hiện từ 03 năm trở lên (kể từ khi được nghiệm thu);

d) Đảm bảo các điều kiện về an toàn thực phẩm;

đ) Giá hỗ trợ là giá thực tế dựa trên hoá đơn và chứng thư thẩm định giá của doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh thẩm định giá hoặc giá trúng thầu.

3. Trình tự thủ tục thực hiện:

a) Phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ: Chủ đầu tư làm Đơn đề nghị phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ phương án theo Mẫu số 07 của Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này và hồ sơ (Thuyết minh phương án và thiết kế, Dự toán kinh phí, Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất, Trích lục bản đồ khu đất) gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân huyện nơi xây dựng phương án, xem xét, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ phương án.

b) Quyết định hỗ trợ: Trên cơ sở kết quả nghiệm thu và đảm bảo các điều kiện hỗ trợ, chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thẩm định, gửi Sở Tài chính, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ.

4. Công tác nghiệm thu: Sau khi xây dựng nhà xưởng, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện trong hàng rào, hệ thống xử lý chất thải xong và tổ chức sản xuất, chủ đầu tư làm Đơn đề nghị nghiệm thu kèm theo hồ sơ hoàn công, văn bản minh chứng đáp ứng các điều kiện hỗ trợ gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan nghiệm thu.

5. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Bản cam kết của chủ đầu tư;

c) Báo cáo kiểm toán độc lập đối với chi phí xây dựng, chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ của công trình, hạng mục công trình dự kiến được hỗ trợ theo Quy định này;

d) Văn bản minh chứng đảm bảo các điều kiện an toàn thực phẩm;

đ) Hợp đồng, thanh lý hợp đồng hoá đơn xây dựng nhà xưởng, máy móc, thiết bị, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện trong hàng rào và hệ thống xử lý

chất thải; Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, phiếu nhập kho thu mua nguyên liệu tại Bắc Ninh.

Điều 7. Hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ cho các hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm với mức hỗ trợ: 70 triệu đồng/hợp tác xã, tổ hợp tác/năm trong ba năm đầu.

2. Điều kiện hỗ trợ:

a) Hợp tác xã, tổ hợp tác có liên kết sản xuất với quy mô tối thiểu 25 ha đối với sản xuất rau màu, 50 ha đối với sản xuất lúa trên địa bàn cấp xã nơi hợp tác xã, tổ hợp tác đặt trụ sở; đã thực hiện hợp đồng liên kết tiêu thụ nông sản với sản lượng tối thiểu 50% tổng sản lượng của vùng liên kết (sản lượng tính theo năng suất hoặc ước năng suất trung bình của Chi cục Thống kê tại địa phương);

b) Có Phương án sản xuất kinh doanh về liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo Mẫu số 08 của Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

3. Công tác nghiệm thu: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi sản xuất tiến hành nghiệm thu, công tác nghiệm thu có sự tham gia của các tổ chức, cá nhân liên quan. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định kết quả nghiệm thu của Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Hợp đồng, thanh lý hợp đồng của đơn vị thu mua ký với hợp tác xã, tổ hợp tác, chứng từ chi trả tiền mua nông sản của đơn vị thu mua; bảng kê số lượng hàng hóa thu mua, kinh phí chi trả cho người sản xuất do hợp tác xã, tổ hợp tác lập có ký nhận của người sản xuất theo Mẫu số 09 của Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 8. Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng để xây dựng và công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và vùng sản xuất chỉ dẫn địa lý

1. Nội dung đầu tư: Ngân sách nhà nước tỉnh đầu tư 100% kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng (thủy lợi nội đồng, giao thông nội đồng, hệ thống điện) để xây dựng vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và vùng sản xuất chỉ dẫn địa lý.

2. Điều kiện đầu tư: Vùng sản xuất chuyên canh tập trung; vùng sản xuất rau quy mô 100 ha trở lên, vùng sản xuất giống lúa quy mô 100 ha trở lên, vùng sản xuất cây ăn quả lâu năm quy mô 300 ha trở lên, vùng sản xuất giống thủy sản quy mô 20 ha trở lên, phù hợp với quy hoạch tổng thể về phát triển sản xuất nông nghiệp của địa phương hoặc vùng được chứng nhận chỉ dẫn địa lý.

3. Trình tự thủ tục thực hiện:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch, đề xuất nhu cầu đầu tư gửi Ủy ban nhân dân huyện;

b) Ủy ban nhân dân huyện xem xét tính cần thiết, phù hợp quy hoạch của địa phương, gửi văn bản đề xuất về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (kèm theo thuyết minh chi tiết sơ bộ dự án đầu tư: tên dự án, địa điểm, dự kiến nội dung, quy mô, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, đơn vị chủ đầu tư, kinh phí hỗ trợ);

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tổ chức rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch hỗ trợ đầu tư hạ tầng để xây dựng và công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh;

d) Căn cứ Kế hoạch hỗ trợ, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

đ) Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm tổ chức lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án theo quy định của Luật đầu tư công.

Chương III

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 9. Trình tự, thủ tục hành chính đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước

1. Nộp hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và nộp tới Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân huyện hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: các thành phần hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao chứng thực hoặc bản chụp không chứng thực kèm bản chính để đối chiếu;

c) Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: các thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

d) Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra thành phần hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ đầy đủ thành phần; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

đ) Trong thời hạn 1/2 ngày làm việc cán bộ tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho cơ quan chuyên môn giải quyết.

2. Thành phần hồ sơ: Được nêu rõ tại các điều: Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 của quy định này.

3. Trình tự, thủ tục giải quyết thủ tục hành chính:

a) Đối với các nội dung hỗ trợ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã (bao gồm Điều 4, Điều 7).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cán bộ chuyên môn xem xét tính hợp lệ của hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp xã;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cán bộ chuyên môn trình Ủy ban nhân dân cấp xã văn bản hướng dẫn chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ để trả lời cá nhân, tổ chức (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã);

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cán bộ chuyên môn thẩm định hồ sơ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Quyết định hỗ trợ.

b) Đối với các nội dung hỗ trợ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện (bao gồm khoản 1 Điều 5).

- Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chuyên môn xem xét tính hợp lệ của hồ sơ trình Ủy ban nhân dân huyện;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan chuyên môn có trách nhiệm trả lời cá nhân, tổ chức bằng văn bản và hướng dẫn chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ (qua Trung tâm Hành chính công huyện). Thời hạn không quá 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ hợp lệ cơ quan chuyên môn thẩm định hồ sơ, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân huyện xem xét, ban hành Quyết định hỗ trợ.

c) Đối với các nội dung hỗ trợ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đối với phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ (bao gồm khoản 2 Điều 5 và Điều 6): Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản và hướng dẫn chỉnh sửa, hoàn

thiện hồ sơ (qua Trung tâm Hành chính công tỉnh). Thời hạn không quá 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân huyện nơi xây dựng phương án, xem xét, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ phương án. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được tờ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành Quyết định phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ.

- Đối với Quyết định hỗ trợ (bao gồm khoản 2, khoản 3 Điều 5 và Điều 6): Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét tính hợp lệ của hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản và hướng dẫn chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ (qua Trung tâm Hành chính công tỉnh). Thời hạn không quá 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản gửi Sở Tài chính, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất, trong vòng 05 ngày kể từ khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định hỗ trợ.

4. Cách thức trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thực hiện trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp tại nơi nhận hồ sơ hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử. Trong thời hạn 1/2 ngày làm việc kể từ khi có Quyết định hỗ trợ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

Điều 10. Trình tự, thủ tục hành chính đối với các chính sách sử dụng nguồn vốn đầu tư công

Thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Chương IV

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUỒN VỐN, PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT, THANH TOÁN VÀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Điều 11. Lập kế hoạch, cấp phát, thanh quyết toán kinh phí nguồn ngân sách đầu tư công

1. Thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

2. Vốn đầu tư công ngân sách tỉnh cấp hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vùng sản xuất chỉ dẫn địa lý trên địa bàn huyện Gia Bình, huyện Lương Tài.

Điều 12. Lập kế hoạch và giao dự toán nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên

1. Đăng ký và lập kế hoạch hỗ trợ:

a) Đối với các nội dung hỗ trợ quy định tại Điều 4, khoản 1 Điều 5, Điều 7 Quy định này.

- Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị liên quan thông báo cho các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ đăng ký nhu cầu và tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hằng năm trên địa bàn, gửi Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra các nội dung đăng ký hỗ trợ, tổng hợp nhu cầu, đề xuất kinh phí hỗ trợ gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch rà soát, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện để báo cáo Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 05 tháng 7 năm trước năm kế hoạch.

b) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu hỗ trợ theo khoản 2, khoản 3 Điều 5 và Điều 6 tại quy định này do Ủy ban nhân tỉnh quyết định hỗ trợ: Đăng ký nhu cầu hỗ trợ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 30 tháng 6 năm trước năm kế hoạch. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, rà soát nhu cầu kinh phí hỗ trợ trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài chính trước ngày 05 tháng 7 năm trước năm kế hoạch;

c) Sở Tài chính chủ trì thảo luận dự toán ngân sách với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện; căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (trước 15 tháng 11 năm trước năm kế hoạch) trình Hội đồng nhân dân tỉnh (trước 05 tháng 12 năm trước năm kế hoạch) dự toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

2. Giao dự toán, phân bổ và thanh toán kinh phí hỗ trợ:

a) Đối với kinh phí hỗ trợ các huyện: Căn cứ dự toán giao, ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho Ủy ban nhân dân huyện. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch xây dựng và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện căn cứ kế hoạch hỗ trợ, trình Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định phân bổ kinh phí hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức thực hiện, đồng thời gửi Sở Nông

ng nghiệp và Phát triển nông nghiệp, Sở Tài chính để theo dõi, giám sát tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn;

b) Sau khi có quyết định giao dự toán của các cấp, các đơn vị được giao dự toán thực hiện các nội dung theo đúng kế hoạch hỗ trợ, kinh phí đã phân bổ. Trường hợp cần điều chỉnh kế hoạch hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã lập phương án điều chỉnh trong phạm vi dự toán được giao gửi Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện để báo cáo Ủy ban nhân dân huyện điều chỉnh kế hoạch hằng năm, kết thúc chậm nhất là ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch;

c) Các tổ chức, cá nhân hỗ trợ theo khoản 2, khoản 3 Điều 5 và Điều 6 tại Quy định này do Ủy ban nhân tỉnh quyết định hỗ trợ: Căn cứ dự toán giao, căn cứ Quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ngân sách tỉnh cấp kinh phí bằng lệnh chi tiền đối với các doanh nghiệp, tổ chức và thực hiện cấp bổ sung mục tiêu cho ngân sách huyện đối với các cá nhân khác theo quy định;

d) Thanh toán kinh phí hỗ trợ thông qua tài khoản ngân hàng (trừ hỗ trợ các cá nhân cho thuê quyền sử dụng đất và sản xuất cà rốt, tỏi tập trung nằm trong bảng kê do thôn/khu phố, hợp tác xã, tổ hợp tác lập quy định tại Điều 4 của Quy định này).

Điều 13. Quản lý, sử dụng nguồn vốn, quyết toán, công khai và chế độ báo cáo

1. Nguồn vốn thực hiện hỗ trợ: Từ ngân sách nhà nước.

a) Sử dụng nguồn vốn đầu tư công ngân sách tỉnh đối với chính sách quy định tại Điều 8 quy định này;

b) Sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên ngân sách tỉnh đối với các chính sách quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 của Quy định này. Tài sản được hình thành sau hỗ trợ là tài sản của tổ chức, cá nhân được nhận hỗ trợ, không phải là tài sản công.

2. Quyết toán ngân sách hỗ trợ hằng năm thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, hướng dẫn của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn khác.

3. Thực hiện công khai ngân sách hỗ trợ:

a) Công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ: nội dung, hình thức, thời điểm, trách nhiệm công khai thực hiện theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

b) Công khai hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước đối với cá nhân, dân cư: nội dung, hình thức, thời điểm, trách nhiệm công khai thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tài chính.

4. Chế độ báo cáo: Định kỳ hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn về Ủy ban nhân dân huyện trước ngày 15 tháng 01 của năm sau; Ủy ban nhân dân huyện báo cáo tình hình thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 30 tháng 01 của năm sau.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện, xử lý, giải quyết kịp thời các nội dung phát sinh phù hợp với thẩm quyền trong quá trình thực hiện Quy định này, hằng năm báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có các trường hợp phát sinh về nội dung hỗ trợ, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, cho ý kiến bằng văn bản theo thẩm quyền.

3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định này theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Quy định chuyển tiếp

1. Tổ chức, cá nhân đã được hỗ trợ đợt 01 trước ngày 31 tháng 12 năm 2030 theo quy định tại khoản 1 Điều 4 quy định này nếu thời gian vụ cuối sau 03 năm kể từ thời điểm nghiệm thu đợt 01 sau ngày 31 tháng 12 năm 2030 được hỗ trợ đợt 02 theo đúng quy định.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu ở Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Trường hợp tên các cơ quan, đơn vị ở Quy định này được sửa đổi hoặc thay thế thì thực hiện theo tên cơ quan, đơn vị sửa đổi, thay thế đó.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung quy định

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề tổng hợp, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.



PHỤ LỤC
CÁC BIỂU MẪU SỬ DỤNG TRONG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ
(Kèm theo Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND)
Ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị hỗ trợ
Mẫu số 01a	Đơn đề nghị hỗ trợ bên cho thuê và bên thuê quyền sử dụng đất
Mẫu số 02	Bản cam kết
Mẫu số 03	Phương án sử dụng đất
Mẫu số 04	Bảng kê diện tích, số tiền nhận hỗ trợ dành cho thôn/khu phố, hợp tác xã, tổ hợp tác
Mẫu số 05	Bảng kê diện tích, số tiền nhận hỗ trợ dành cho Doanh nghiệp, cá nhân
Mẫu số 06	Phương án sản xuất đối tượng thủy đặc sản nuôi thương phẩm
Mẫu số 07	Đơn đề nghị phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ
Mẫu số 08	Phương án sản xuất kinh doanh về liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm
Mẫu số 09	Bảng kê số lượng hàng hoá thu mua, kinh phí chi trả cho người sản xuất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Kính gửi:

- Căn cứ Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về Quy định hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện Gia Bình, Lương Tài đến năm 2030.

- Căn cứ

- Tổ chức, cá nhân:

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp):

+ Người đại diện (đối với doanh nghiệp): Chức danh:

+ Địa chỉ:

+ Số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Căn cước:

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....

+ Điện thoại:.....Fax:

- Nội dung đề nghị hỗ trợ¹:

.....

- Thông tin tài khoản:

+ Tên tổ chức, cá nhân thụ hưởng:

+ Số tài khoản:.....tại ngân hàng/kho bạc

- Số tiền đề nghị hỗ trợ:(viết bằng chữ):

- Hồ sơ kèm theo gồm:

+

+

Tôi cam đoan các thông tin kê khai trên và các hồ sơ kèm theo đảm bảo đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

¹ Ghi rõ đợt hỗ trợ nếu có

Mẫu số 1a: Dùng cho đề nghị hỗ trợ tập trung ruộng đất đợt 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ
BÊN THUÊ VÀ BÊN CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

Kính gửi:

- Căn cứ Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về Quy định hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện Gia Bình, Lương Tài đến năm 2030;

- Căn cứ

- Tổ chức, cá nhân:

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp):.....

+ Người đại diện (đối với doanh nghiệp): Chức danh:

+ Địa chỉ:

+ Số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Căn cước:

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....

+ Điện thoại:.....Fax:

- Nội dung đề nghị hỗ trợ: Đề nghị hỗ trợ cho cá nhân cho thuê quyền sử dụng đất và hỗ trợ cho tổ chức/cá nhân thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp đợt 01.

- Kinh phí đề nghị hỗ trợ:.....(Bằng chữ.....), trong đó:

+ Kinh phí hỗ trợ bên thuê quyền sử dụng đất: (Bằng chữ)

Thông tin tài khoản bên thuê quyền sử dụng đất

Tên người thụ hưởng:

Số tài khoản:..... tại ngân hàng/kho bạc

+ Kinh phí hỗ trợ bên cho thuê quyền sử dụng đất:(Bằng chữ)

(Chi tiết theo Danh sách đính kèm)

- Hồ sơ kèm theo gồm:

+

+

Tôi cam đoan các thông tin kê khai trên và các hồ sơ kèm theo đảm bảo đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH
CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Đơn đề nghị hỗ trợ bên thuê và bên cho thuê quyền sử dụng đất)

STT	Họ và tên	Địa điểm đất cho thuê (xứ đồng, thôn)	Diện tích (m ²)	Thửa đất số (nếu có)	Tờ bản đồ số (nếu có)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ký nhận
1							
2							
3							
...							
Tổng cộng							

....., ngày ... tháng ... năm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

Kính gửi:

Tên tổ chức/cá nhân:

Người đại diện: Chức danh:

Ngày tháng năm sinh: Giới tính:

Địa chỉ:

Số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Căn cước:

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....

Điện thoại liên hệ:

Tôi cam kết các nội dung sau đây:.....

1.

2.

3.

Nếu vi phạm những điều cam kết trên, tôi xin tự nguyện hoàn lại kinh phí được nhận hỗ trợ và chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

....., ngày ... tháng ... năm
XÁC NHẬN CỦA
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân lập phương án sử dụng đất:.....
2. Người đại diện: Chức danh:
3. Địa chỉ:
4. Số điện thoại liên hệ:
5. Phương án sử dụng đất.
 - 5.1. Phạm vi, quy mô, địa điểm, ranh giới khu vực tập trung đất nông nghiệp.
 - 5.2. Hiện trạng sử dụng đất gồm: diện tích, mục đích, hình thức, thời hạn sử dụng đất, người quản lý, người sử dụng đất.
 - 5.3. Phương thức tổ chức sản xuất nông nghiệp đối với diện tích đất nông nghiệp được tập trung.
 - 5.4. Dự kiến hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, hệ thống bờ vùng, bờ thửa; xác định diện tích đất chuyển sang sử dụng vào mục đích giao thông, thủy lợi nội đồng./.

..... ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

Mẫu số 04: Dành cho thôn/khu phố, hợp tác xã, tổ hợp tác

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG KÊ

DIỆN TÍCH, SỐ TIỀN NHẬN HỖ TRỢ

(Cây trồng: Tỏi/Cà rốt, vụ....., năm)

STT	Họ và tên	Địa điểm thực hiện (xứ đồng, thôn)	Diện tích (m ²)	Số tiền nhận hỗ trợ (đồng)	Ký nhận
1					
2					
3					
...					
Tổng cộng					

....., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

THÔN/KHU PHỐ, HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC

Mẫu số 05: Dành cho Doanh nghiệp, cá nhân¹**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****BẢNG KÊ****DIỆN TÍCH, SỐ TIỀN NHẬN HỖ TRỢ**

(Cây trồng: Tỏi/Cà rốt, vụ....., năm)

STT	Địa điểm thực hiện (xứ đồng, thôn)	Diện tích (m²)	Số tiền nhận hỗ trợ (đồng)
1			
2			
3			
...			
Tổng			

....., ngày tháng ... năm

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/CÁ NHÂN¹Đối với 01 cá nhân đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT
ĐỐI TƯỢNG THUỶ ĐẶC SẢN NUÔI THƯƠNG PHẨM

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân lập phương án:.....
2. Người đại diện: Chức danh:.....
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại (fax, email,...):
5. Phương án sản xuất đối tượng thủy đặc sản nuôi thương phẩm.
 - 5.1. Tổng diện tích và ranh giới sử dụng đất; loại đất; trích lục bản đồ khu đất của phương án.
 - 5.2. Phương án sản xuất đối tượng thủy đặc sản nuôi thương phẩm.
 - 5.3. Các giải pháp tổ chức thực hiện phương án sản xuất đối tượng thủy đặc sản nuôi thương phẩm.
 - 5.4. Thời gian tổ chức thực hiện.
 - 5.5. Giải pháp khác (nếu có).
6. Kiến nghị đề xuất.....

..... ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

Kính gửi:

Tên tổ chức/cá nhân:

Người đại diện: Chức danh:

Địa chỉ:

Số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Căn cước:

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....

Điện thoại: Fax:

Căn cứ Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về Quy định hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện Gia Bình, Lương Tài đến năm 2030.

**I. Tôi có xây dựng phương án:
 với các nội dung chính như sau:**

1. Tên phương án:
2. Lĩnh vực đầu tư:
3. Địa điểm thực hiện phương án:.....
4. Mục tiêu và quy mô:
5. Tổng vốn đầu tư và dự toán kinh phí của phương án:
6. Diện tích đất dự kiến sử dụng (trong đó diện tích xây dựng là...):.....
7. Số lao động sử dụng bình quân trong năm:
8. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. Căn cứ ... (nêu rõ nội dung, điều, khoản, điểm quy định về chính sách tại Nghị quyết này): Phương án
 phù hợp với các điều kiện hỗ trợ. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nội dung và mức hỗ trợ đối với phương án.....

Chúng tôi cam kết:

1. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ cung cấp.
2. Thực hiện phương án đáp ứng các điều kiện hỗ trợ của Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về Quy định hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện Gia Bình, Lương Tài đến năm 2030.
3. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam trong quá trình tổ chức, thực hiện dự án.
4. Cam kết đưa phương án vào hoạt động tối thiểu 03 năm kể từ ngày được nghiệm thu hỗ trợ.
5. Nội dung khác (nếu có).
6. Hồ sơ kèm theo:

Nơi nhận:

-
-

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH
VỀ LIÊN KẾT SẢN XUẤT GẮN VỚI TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân lập phương án:.....
2. Người đại diện: Chức danh:
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại (fax, email,...):
5. Phương án sản xuất kinh doanh về liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm. Cụ thể như sau:
 - 5.1. Địa điểm liên kết.
 - 5.2. Quy mô liên kết.
 - 5.3. Nội dung liên kết .
 - 5.4. Thời gian tổ chức liên kết.
 - 5.5. Các giải pháp tổ chức thực hiện phương án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm.
 - 5.6. Giải pháp khác (nếu có).
6. Kiến nghị đề xuất.....

..... ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG KÊ SỔ LƯỢNG HÀNG HOÁ
THU MUA, KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NGƯỜI SẢN XUẤT
(Năm.....)

STT	Họ và tên	Sản phẩm sản xuất	Địa điểm sản xuất (xứ đồng, thôn)	Diện tích (m ²)	Số lượng thu mua	Kinh phí trả cho người sản xuất (đồng)	Ký nhận
1							
2							
3							
...							
Tổng cộng							

....., ngày..... tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

THÔN/KHU PHỐ, HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC